

Bản án số: 583/2018/QĐDS-ST

Ngày: 09-5-2018

V/v Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Thọ Viên - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
họp: Bà Nguyễn Thị Yên Oanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 09/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 537/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp số: 1781/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông L, sinh năm: 1967

- Bà N, sinh năm: 1967

Cùng địa chỉ: Hoa Kỳ.

- Ông T1, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số M, xã K, TP. P, tỉnh Y.

NỘI DUNG YÊU CẦU:

Theo đơn yêu cầu và trình bày của bà T:

Bà và ông T1, sinh năm 1990 yêu nhau và có 01 con chung là trẻ N1, giới tính nữ, sinh ngày 31/5/2008. Tuy nhiên, tại thời điểm trên, bà và ông T1 không có đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của trẻ N1 chỉ có tên mẹ là bà T.

Thời gian sau, bà cho trẻ N1 làm con nuôi của ông L và bà N. Giấy chứng nhận con nuôi số 01 quyền số 01/2013 ngày 25/02/2013 của Ủy ban nhân dân Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L và bà N. Ông L và bà N là cha mẹ đẻ của ông T1.

Bà làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông L và bà N đối với trẻ N1 vì việc nhận nuôi con nuôi trong trường hợp này là vi phạm điều pháp luật cấm là “cấm ông bà nhận cháu làm con nuôi” được quy định tại Điều 13 Luật nuôi con nuôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông T1 trình bày:

Ông và bà T, sinh năm 1985 yêu nhau và có với nhau 01 người con chung là trẻ N1, giới tính nữ, sinh ngày 31/5/2008. Tại thời điểm đó giữa ông và bà Thảo không có đăng ký kết hôn và hiện nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Ba mẹ ông là ông L và bà N có nhận con gái của ông là trẻ N1 làm con nuôi.

Sau này, ông T1 được biết việc ông bà nhận cháu làm con nuôi là trái với quy định của pháp luật nên ông đồng ý với yêu cầu của bà T về việc chấm dứt con nuôi giữa ông L và bà N đối với trẻ N1.

- Ông L và bà N có đơn tường trình đã được chứng thực chữ ký ngày 07/11/2017 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Washington D.C., Hợp chúng quốc Hoa Kỳ có nội dung:

Vợ chồng ông L và bà N có nhận cháu nội là trẻ N1, giới tính nữ, sinh ngày 31/5/2008 làm con nuôi theo giấy chứng nhận con nuôi số 01 quyền số 01/2013 ngày 25/02/2013 của Ủy ban nhân dân Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trẻ N1 là con ruột của bà T, sinh năm 1985 và con trai của ông bà là ông T1, sinh năm 1990.

Thời gian sau, ông L và bà N được biết việc ông bà nhận cháu làm con nuôi là trái với quy định của pháp luật nên ông bà đồng ý với yêu cầu của bà T về việc chấm dứt con nuôi giữa ông L và bà N đối với trẻ N1.

Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông L và bà N có Đơn tường trình xin vắng mặt đã được chứng thực chữ ký ngày 07/01/2017 của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà T có đủ căn cứ để xác định:

Trẻ N1, giới tính nữ, sinh ngày 31/5/2008 là con chung của bà T và ông T1. Sau đó bà T cho trẻ N1 làm con nuôi của ông L và bà N. Giấy chứng nhận con nuôi số 01 quyển số 01/2013 ngày 25/02/2013 của Ủy ban nhân dân Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L và bà N. Ông L và bà N là cha mẹ đẻ của ông T1 và là ông bà nội của trẻ N1. Việc ông L và bà N nhận cháu là trẻ N1 làm con nuôi là thuộc một trong các hành vi bị cấm được quy định tại khoản 6 Điều 13 Luật nuôi con nuôi nên đủ căn cứ để chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật nuôi con nuôi.

Ông L, bà N và ông T1 cũng nhận thấy việc ông bà nhận cháu làm con nuôi là trái với quy định của pháp luật nên đồng ý với yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà T. Do đó, yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà T là có căn cứ, phù hợp với các điều luật đã viện dẫn nên được chấp nhận.

- Lệ phí sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 điều 147, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 10, Khoản 6 Điều 13, Khoản 4 Điều 25 Luật nuôi con nuôi.

Chấp nhận yêu cầu của bà T.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông L và bà N đối với trẻ N1, giới tính nữ, sinh ngày 31/5/2008.

Giấy chứng nhận con nuôi số 01 quyền số 01/2013 ngày 25/02/2013 của Ủy ban nhân dân Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L và bà N không còn giá trị pháp luật.

Lệ phí sơ thẩm: Bà T chịu 300.000 đồng được căn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0048218 ngày 23/11/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kể từ ngày công bố bản án, quyết định. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 10 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án, quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường O, quận I, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Lê Thọ Viên